

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HUYỆN VL
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 06/2021/HNGĐ - ST

Ngày 28/9/2021

(Vu: **P – H** t/c về ly hôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Huyện VL, ngày 28 tháng 9 năm 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUYỆN VL, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hảo.

Bà Trương Thị Lệ Chi.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Cúc **P** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện **Huyện VL** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL**, Quảng trị. Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 60/2021/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tư **P**, sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn **Đ**, Xã **VT**, **Huyện VL**, Quảng Trị. Vắng mặt (có Đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị **H**, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn **Đ**, Xã **VT**, **Huyện VL**, Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2021, bản tự khai ngày 18/4/2021 ông Nguyễn Tư **P** trình bày:

Về tình cảm: Ông Nguyễn Tư **P** và bà Nguyễn Thị **H** kết hôn hợp pháp năm 1991 tại UBND Xã **VT**, **Huyện VL**, Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2006 mâu thuẫn liên tục xảy ra, giữa vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột lẫn nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống cũng như trong công việc gia đình, dẫn đến vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình mà sống ly thân nhau cơm ai nấy ăn, việc ai người đó làm, nay ông nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **P** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị **H**.

Về con chung: Có 02 con chung: Nguyễn Thị **T**, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Thu **S**, sinh năm 1994. Các con đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị **H**: Chính quyền địa **P** xác nhận bà Nguyễn Thị **H** hiện cư trú tại thôn **D**, xã **Xã VT**. Bà Nguyễn Thị **H** đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thông qua dịch vụ Bưu chính viễn thông và con đẻ của bà **H** là chị Nguyễn Thị Thu **S**, chị **S** đã nhận thay, cam đoan giao và giao đầy đủ, kịp thời các thông báo, quyết định của Tòa án cho bà **H** nhưng bà **H** không gửi ý kiến, nguyện vọng của mình cho Tòa án cũng như không đến tham gia các phiên họp và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **Huyện VL** phát biểu quan điểm:

Về tố tụng dân sự: Từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án, giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay chủ tọa phiên tòa tuân thủ đúng, đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự, có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tư **P**.

Về tình cảm: Ông Nguyễn Tư **P** ly hôn với bà Nguyễn Thị **H**.

Về con chung: Đã thành niên.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Tư **P** chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Tư **P** và bà Nguyễn Thị **H** tranh chấp về ly hôn, bị đơn hiện cư trú tại thôn **Đ**, xã **Xã VT**, huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện **Huyện VL** có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Nguyễn Tư **P** có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn

Bị đơn bà Nguyễn Thị **H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do tại Tòa án, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tư **P** và bà Nguyễn Thị **H** đăng ký kết hôn năm 1991 tại UBND xã **Xã VT**, huyện **Huyện VL**, tỉnh Quảng Trị, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Do bất đồng quan điểm nên trong cuộc sống vợ chồng giữa ông **P** bà **H** phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do đó, giữa ông bà sống ly thân nhau, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án bà **H** cố tình lẩn tránh, không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ, không tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời vắng mặt tại phiên tòa thể hiện bà **H** không có thiện chí để nín kéo hạnh phúc gia đình, không còn tha thiết với hôn nhân của mình. Nay ông **P** yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **H** là có căn cứ, cần chấp nhận.

3. Về con chung: Đã thành niên.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Tư **P** chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Nguyễn Tư **P** đối với bà Nguyễn Thị **H**.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Tư **P** ly hôn với bà Nguyễn Thị **H**.

2. Về con chung: Đã thành niên

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Tư **P** phải chịu 300.000 đồng tiền án phí DSST. Được trừ đi số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000491 ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện **Huyện VL**. Ông **P** đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện **Huyện VL**;
- Chi cục THADS h. **Huyện VL**;
- Đương sự;
- UBND xã **Xã VT**.
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vĩnh